

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN CỪ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường năm học 2025 - 2026

STT	Nội dung			Số lượng	Bình quân
I	SỐ PHÒNG HỌC			29	
II	LOẠI PHÒNG HỌC				
1	Phòng học kiên cố			29	
2	Số phòng học bộ môn			9	
3	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)			24	
4	Bình quân lớp/phòng học				1.21 lớp/phòng
5	Bình quân học sinh/lớp				40.4 học sinh/lớp
III	SỐ ĐIỂM TRƯỜNG			0	
IV	TỔNG SỐ DIỆN TÍCH ĐẤT (m ²)			12324	12.7 m ² /hs
V	TỔNG DIỆN TÍCH SÂN CHƠI BÀI TẬP (m ²)			3551	3.66 m ² /hs
VI	TỔNG DIỆN TÍCH CÁC PHÒNG			3617	3.73 m ² /hs
1	Diện tích phòng học (m ²)			1473	1.52 m ² /hs
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)			342	
3	Diện tích thư viện (m ²)			170	
4	Diện tích phòng thiết bị, chuẩn bị (m ²)			68	
5	Diện tích nhà tập đa năng (phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)			976	
6	Diện tích Hội trường (m ²)			315	
7	Diện tích Phòng truyền thống (m ²)			68	
8	Diện tích Hiệu trưởng/Phó Hiệu trưởng (m ²)			32	
9	Diện tích phòng Công đoàn - Đoàn đội (m ²)			18	
10	Diện tích phòng Văn thư, kế toán, Y tế (m ²)			68	
10	Diện tích phòng nghỉ giáo viên (m ²)			86	
VII	TỔNG SỐ THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU (ĐƠN VỊ TÍNH: BỘ)				Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định				
1.1	Khối lớp 6			1	0.17 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 7			1	0.17 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 8			1	0.17 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 9			1	0.17 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định				
2.1	Khối lớp 6			1	0.17 bộ/lớp
2.2	Khối lớp 7			1	0.17 bộ/lớp
2.3	Khối lớp 8			1	0.17 bộ/lớp
2.4	Khối lớp 9			1	0.17 bộ/lớp
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)				
VIII	TỔNG SỐ MÁY VI TÍNH ĐANG SỬ DỤNG PHỤC VỤ HỌC TẬP (ĐƠN VỊ TÍNH: BỘ)			133	0.14 học sinh/bộ
IX	TỔNG SỐ THIẾT BỊ DÙNG CHUNG KHÁC			74	3.08 thiết bị/lớp
1	Ti vi			8	
2	Cát xét			5	
3	Máy tính xách tay			5	
4	Máy chiếu			13	
5	Bảng tương tác			7	
6	Máy Photocopy			3	
7	Bộ âm thanh (Âm li, loa, Micro)			3	
8	Nhạc cụ (đàn Organ; Ghita,...)			30	
X	NHÀ VỆ SINH	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	72		535	535
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*				0.6 m ² /hs
XI	NGUỒN NƯỚC SINH HOẠT HỢP VỆ SINH			Có	
XII	NGUỒN ĐIỆN (LƯỚI, PHÁT ĐIỆN RIÊNG)			Có	
XIII	KẾT NỐI INTERNET (ADSL)			Có	
XIV	TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ (WEBSITE) CỦA TRƯỜNG			Có	
XV	TƯỜNG RÀO XÂY			Có	

Thủ Dầu Một, ngày 28 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Đương Thị Hào